

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2022/DS-ST  
Ngày: 30-8-2022.  
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Dung.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Thuần.

Bà Lê Thị Ngọc Ánh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* Ông Dương Văn Nguyễn – kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 06 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Anh Nguyễn TP, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp Tân Phú 1, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị HN, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp ĐP, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ liên hệ: thị trấn CG, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2022) (xin vắng mặt);

\* Bị đơn:

- Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1988 (vắng mặt);

- Bà Trần Thị Bé H, sinh năm 1968 (vắng mặt);
  - Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 (vắng mặt);
  - Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1990 (vắng mặt);
- Cùng địa chỉ: ấp QT, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2022, ngày 13/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn TP và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị HN trình bày: Vào ngày 06/12/2019 dương lịch, anh TP có cho gia đình anh Nguyễn Minh T mượn số tiền 50.000.000 đồng để mua bán vé số do gia đình anh T làm đại lý vé số, đây là nguồn thu nhập để dùng chung cho gia đình anh T, hộ của anh T gồm bà Bé H, ông N, anh T và anh T1. Khi mượn anh T có tự tay viết và ký tên vào giấy mượn tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, anh T thỏa thuận trong vòng 12 tháng kể từ ngày 06/12/2019 dương lịch đến ngày 06/12/2020 dương lịch sẽ hoàn trả cho anh TP số tiền là 50.000.000 đồng. Nhưng đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng gia đình anh T không thực hiện việc trả nợ cho anh TP mặc dù anh TP đã nhiều lần yêu cầu.

Do đó, nay anh TP khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Minh T, bà Trần Thị Bé H, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 trả cho anh TP số tiền nợ là 50.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với lãi suất 0,83%/tháng, yêu cầu trả nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

\* Bị đơn bà Trần Thị Bé H trình bày: Anh T có mượn của anh TP số tiền là 50.000.000 đồng để mua bán vé số do anh T có mở đại lý vé số ở nhà. Anh Nguyễn Minh T, bà, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 chung hộ khẩu, anh T là con ruột của bà. Bà, ông N, anh T1 và anh T đồng ý trả cho anh TP số tiền 50.000.000 đồng nhưng do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn còn nợ nhiều người khác nên không thể hoàn trả một lần cho anh TP nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, xin không trả lãi.

\* Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 biết để tham gia theo quy định nhưng anh T, ông N, anh T1 vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp

chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản nhưng không có ý kiến, không cung cấp các tài liệu chứng cứ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Phía nguyên đơn cung cấp biên nhận ngày 06/12/2019 và phía bà Bé H thừa nhận anh T còn nợ lại anh TP số tiền là 50.000.000 đồng. Do đó việc anh TP khởi kiện là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh TP buộc bà Trần Thị Bé H, anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 trả cho anh TP số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn bà Trần Thị Bé H, anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Bé H, anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn TP thì anh TP yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giải quyết buộc bà Trần Thị Bé H, anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 phải trả cho anh TP số tiền là 50.000.000 đồng và tiền lãi. Bà Trần Thị Bé H, anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1

hiện cư trú tại ấp QT, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ:

[2.1.1] Căn cứ vào các biên nhận ngày 06/12/2019 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký, chữ viết của anh T và lời thừa nhận của bà Bé H là mẹ ruột anh T, chung hộ thể hiện gia đình anh T có mượn của anh TP số tiền là 50.000.000 đồng và hiện nay còn nợ lại 50.000.000 đồng. Theo anh TP khai các lần mượn tiền các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 12 tháng, lãi suất 2%/tháng nhưng từ khi mượn đến nay anh T và gia đình anh T không trả lãi và khi đến hạn trả nợ anh TP đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng anh T và gia đình anh T không thực hiện. Do đó, việc bà Trần Thị Bé H, anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 mượn tiền của anh TP nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên yêu cầu khởi kiện của anh TP về việc buộc bà Trần Thị Bé H, anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 trả số tiền nợ vay 50.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.1.2] Anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2022 và ngày 13/6/2022, nguyên đơn anh Nguyễn TP yêu cầu bà Trần Thị Bé H, anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 trả tiền lãi đối với khoản tiền 50.000.000 đồng đã mượn với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (ngày 30/8/2022).

Bà Trần Thị Bé H xin được trả vốn, không trả lãi nhưng phía anh TP không đồng ý.

Căn cứ Điều 357, 440, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, việc anh TP yêu cầu bà Trần Thị Bé H, anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 trả lãi là có căn cứ.

Tiền lãi đối với số tiền 50.000.000 đồng mượn ngày 06/12/2019, lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (ngày 30/8/2022):  $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 8.632.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền vốn và lãi bà Trần Thị Bé H, anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 phải trả cho anh TP: 58.632.000 đồng.

[2. 3] Bà Trần Thị Bé H xin trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng cho anh TP cho đến khi hết nợ. Đề nghị này của bà Bé H không được anh TP đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn TP không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Bé H, anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238; Điều 264; Điều 267; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn TP.

Buộc bà Trần Thị Bé H, anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn TP số tiền là 58.632.000 đồng (Năm mươi tám triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng) gồm 50.000.000 đồng tiền vốn và 8.632.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho anh Nguyễn TP số tiền 1.416.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0024827 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bà Trần Thị Bé H, anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh T1 phải chịu 2.931.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Phương Dung**